

THỰC TRẠNG VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN CÁC KHU THƯƠNG MẠI TỰ DO CỦA TRUNG QUỐC

LÊ HỒNG NGỌC

Tóm tắt: Trung Quốc là một trong những quốc gia có các khu thương mại tự do lớn nhất thế giới. Sự hình thành và phát triển của mô hình này đã và đang đóng góp đáng kể vào quá trình tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc trong những năm qua, được thế giới đánh giá cao như một điển hình thành công và trở thành mô hình tham khảo cho các nước đang phát triển. Bài viết khái quát thực trạng và chính sách phát triển các khu thương mại tự do tại Trung Quốc nhằm rút ra một số bài học từ kinh nghiệm về phát triển mô hình khu thương mại tự do.

Từ khóa: khu thương mại tự do, Trung Quốc

SITUATION AND POLICY FOR THE DEVELOPMENT OF FREE TRADE ZONES IN CHINA

Abstract: China is one of the countries having the world's largest free trade zones. The formation and development of this model has been making significant contribution to the economic growth of China in recent years, which has been highly appreciated worldwide as a successful example and becoming a reference model for developing countries. This article studies the situation and policy for the development of free trade zones in China with the aim at highlighting some lessons from China's experience on developing the model of free trade zone.

Keywords: free trade zone, China

1. Đặt vấn đề

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cùng với sự phát triển của mạng lưới giao thông, công nghệ thông tin đã tạo ra cơ hội kinh tế chưa từng có đối với các quốc gia, thúc đẩy sự hình thành các mạng lưới trung tâm thương mại quốc tế [1]. Trong bối cảnh đó, nhiều quốc gia đã thiết lập các khu thương mại tự do (KTMTD) tại các khu vực cảng biển với kỳ vọng đón nhận được các cơ hội phát triển.

KTMTD (free trade zone) là một khu vực được xác định cụ thể trong phạm vi địa lý của

một quốc gia, nơi hàng hóa có thể được nhập khẩu, xử lý, chế biến, lắp ráp, sản xuất hoặc chia tách, đóng gói, gia công để tái xuất khẩu [2]. Đây là một hình thức khu kinh tế đặc biệt (special economic zone) xuất phát từ mô hình khu tự do (free zone) mang đặc điểm của một khu vực hải quan riêng biệt, có xu hướng nằm cạnh những cảng biển lớn, sân bay quốc tế hoặc hành lang biên giới quốc gia với vị trí thuận tiện cho các hoạt động thương mại quốc tế [2, 3].

Hiện nay, phần lớn các KTMTD đang hoạt động hoặc được quy hoạch, đặc biệt tại các nước

đang phát triển, tập trung chủ yếu vào các hoạt động dịch vụ hậu cần, kho bãi và đều là các khu tự do hội nhập nhằm thu hút đầu tư nước ngoài vào hoạt động công nghiệp [1, 3]. Tuy nhiên, việc thành lập KTMTD không đồng nghĩa với việc các quốc gia đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn hoặc thu hút được nhiều đầu tư trực tiếp nước ngoài hơn [1]. Ngược lại, các KTMTD thành công đều có những đặc điểm chung như cơ sở hạ tầng chất lượng, sự hỗ trợ đầy đủ của chính phủ, thể chế và chính sách ưu đãi, chế độ miễn giảm thuế quan hấp dẫn, năng lực hậu cần và dự trữ lớn... trong bối cảnh kinh tế vĩ mô ổn định [1].

Trung Quốc là một trong những quốc gia có các KTMTD lớn nhất thế giới [2]. Các mô hình khu kinh tế đặc biệt đã được hình thành tại quốc gia này từ những năm 1980 như một nỗ lực thực hiện quá trình đổi mới cơ chế kinh tế thị trường, bắt đầu tại các khu vực ven biển và mở rộng dọc theo đường bờ biển phía Đông, tạo thành một hành lang các điểm đến thu hút đầu tư nước ngoài, đồng thời tạo hiệu ứng lan rộng và dịch chuyển vào các khu vực nội địa trong những năm 1990 và 2000 [3]. Các khu kinh tế được chính phủ Trung Quốc chỉ định trở thành KTMTD nhằm thử nghiệm các chính sách và ưu đãi phát triển công nghiệp đặc biệt trước khi đạt được thành công để nhân rộng và triển khai ở cấp độ quốc gia [4]. Cho đến nay, việc thiết lập và vận hành các KTMTD là một công cụ chính sách để đạt được các mục tiêu phát triển của Trung Quốc được đánh giá là một điển hình thành công [5], qua đó có thể rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm cho các quốc gia khác.

2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp thu thập, tổng hợp và phân tích các tài liệu thứ cấp có liên quan làm cơ sở khái quát thực trạng và chính sách phát triển các KTMTD tại Trung Quốc (bao gồm các KTMTD tại phần đại lục của Trung Quốc), qua đó rút ra một số bài học kinh nghiệm về phát triển mô hình KTMTD của Trung Quốc.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng các khu thương mại tự do tại Trung Quốc

Bắt đầu từ những năm 1980, chính phủ Trung Quốc quyết định đổi mới thể chế kinh tế quốc gia thông qua việc triển khai các chính sách mở cửa thị trường và thiết lập 05 khu kinh tế đặc biệt và 14 trung tâm kinh tế ven biển nhằm thu hút đầu tư nước ngoài và tiếp tục mở rộng dọc theo các vùng ven biển với các khu kinh tế mở đã tạo thành một vành đai kinh tế mở ven biển [1].

Trong những năm 1990, chính phủ Trung Quốc thành lập Khu Tân phố Đông ở Thượng Hải và tại một số thành phố khác dọc theo thung lũng sông Trường Giang, mở cửa 13 thành phố/thị trấn biên giới và tất cả các thành phố trung tâm của các tỉnh nội địa và khu tự trị [1]. Cũng trong thời kỳ này, 15 KTMTD và 56 khu phát triển kinh tế - công nghệ quốc gia và 53 khu phát triển công nghiệp mới - công nghệ cao đã được hình thành [1]. Kể từ KTMTD đầu tiên được thành lập tại Thượng Hải năm 2013 cho đến nay, Trung Quốc có tổng cộng 21 KTMTD và phần lớn tập trung ở vùng ven biển phía Đông [6]. Đặc biệt, mỗi KTMTD đều tập trung vào những lĩnh vực kinh tế và công nghiệp cụ thể với định hướng thị trường riêng biệt.

Bảng 1. Tổng hợp 21 khu thương mại tự do của Trung Quốc

TT	Tên	Năm thành lập	Diện tích (km ²)	Định hướng và lĩnh vực
1	Thượng Hải	2013	240	Trung tâm tài chính quốc tế (dịch vụ tài chính, sản xuất tiên tiến, đổi mới công nghệ, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng)
2	Thiên Tân	2015	120	Thị trường tài chính nước ngoài (hàng không vũ trụ, sản xuất trang thiết bị, tài chính và cho vay xuyên biên giới, công nghệ thông tin)
3	Phúc Kiến	2015	118	Điều phối thương mại với Đài Loan (sản xuất tiên tiến, dịch vụ tài chính, du lịch, hậu cần hàng không)
4	Quảng Đông	2015	116	Hội nhập kinh tế với Hong Kong và Macau (dịch vụ tài chính, dịch vụ công nghệ, sản xuất tiên tiến, khoa học và giáo dục)
5	Liêu Ninh	2017	120	Trung tâm hậu cần và mua sắm với khu vực phía Đông Bắc (sản xuất tiên tiến, phương tiện và trang thiết bị tự động, thương mại điện tử xuyên biên giới, công nghệ thông tin và công nghệ mới)
6	Thiểm Tây	2017	120	Cổng hậu cần và thương mại Một vành đai - Một con đường (công nghệ nông nghiệp, sản xuất tiên tiến, dịch vụ tài chính, thương mại điện tử)
7	Hà Nam	2017	120	Cổng hậu cần và giao thông Một vành đai - Một con đường (phương tiện giao thông và robot, y sinh học, thương mại điện tử xuyên biên giới, dịch vụ tài chính)
8	Hồ Bắc	2017	120	Cổng công nghệ cao Vành đai kinh tế sông Trường Giang (dịch vụ tài chính, sản xuất tiên tiến, y sinh học, phương tiện và trang thiết bị năng lượng mới)
9	Trùng Khánh	2017	120	Cổng thương mại nội địa phát triển với khu vực phía Tây và Một vành đai - Một con đường (công nghệ sinh học, dịch vụ tài chính, sản xuất tiên tiến, thương mại điện tử)
10	Tứ Xuyên	2017	120	Điều phối khu vực phía Tây Nam (dịch vụ thương mại, sản xuất tiên tiến, dịch vụ y tế, công nghệ thông tin và viễn thông)
11	Chiết Giang	2017	120	Trung tâm thương mại đường biển và cổng đổi mới công nghệ (dầu mỏ, hóa dầu, thương mại điện tử, sản xuất thông minh, trí tuệ nhân tạo, công nghệ tài chính)
12	Hải Nam	2018	35.400	Trung tâm chiến lược Con đường tơ lụa trên biển thế kỷ 21 (dịch vụ tài chính, y sinh học và chăm sóc sức khỏe, năng lượng sạch, giáo dục)
13	Hắc Long Giang	2019	120	Cổng hợp tác với Nga và Đông Bắc Á (dịch vụ tài chính, thiết bị cao cấp, công nghệ thông tin thế hệ mới, y sinh học)
14	Hà Bắc	2019	120	Cơ sở công nghiệp kiểu mới và nền tảng đổi mới (sản xuất thiết bị, khoa học cuộc sống, công nghệ sinh học, kinh tế hàng không, cho thuê tài chính)
15	Sơn Đông	2019	120	Hợp tác thương mại với Nhật Bản và Hàn Quốc (công nghiệp hàng hải, công nghệ xanh và y sinh học, dịch vụ tài chính, sản xuất tiên tiến)
16	Giang Tô	2019	120	Tiên phong mở cửa nền kinh tế (dịch vụ tài chính, sản xuất tiên tiến, khoa học y sinh, thương mại điện tử xuyên biên giới)
17	Vân Nam	2019	120	Tiên phong mở cửa với Nam Á và Đông Nam Á (sản xuất tiên tiến, y sinh học và chăm sóc sức khỏe, thương mại điện tử xuyên biên giới)

TT	Tên	Năm thành lập	Diện tích (km ²)	Định hướng và lĩnh vực
18	Quảng Tây	2019	120	Hành lang thương mại quốc tế trên biển và đất liền với Đông Nam Á (dịch vụ tài chính và kỹ thuật số, sản xuất mới, trang thiết bị phương tiện năng lượng mới, y sinh học)
19	Bắc Kinh	2020	120	Cổng phát triển đổi mới số và dịch vụ (dịch vụ tài chính, thương mại số và công nghệ tài chính, đổi mới thương mại dịch vụ, công nghệ sinh học)
20	An Huy	2020	120	Tiên phong đổi mới công nghệ (sản xuất tiên tiến, ô tô và phương tiện thông minh, dịch vụ tài chính và công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo và robot)
21	Hồ Nam	2020	120	Tiên phong hợp tác với Châu Phi (sản xuất tiên tiến, công nghệ thông tin thế hệ mới, năng lượng tái tạo và công nghệ xanh, y sinh học và công nghệ nông nghiệp)

Nguồn: [2, 7]

3.2. Chính sách phát triển các khu thương mại tự do của Trung Quốc

Các KTMTD đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế khi vừa kết nối kinh tế với nước ngoài, vừa lan tỏa phát triển đến các khu vực nội địa nhờ vào một loạt cải cách về hệ thống thương mại quốc tế và các chính sách ưu đãi khác nhau được vận hành trong khuôn khổ của các KTMTD. Việc phát triển các KTMTD tại Trung Quốc bắt nguồn từ quá trình cải cách và mở cửa nền kinh tế từ cuối những năm 1970 cho đến nay với các nỗ lực giải thể và tư nhân hóa một số ngành công nghiệp độc quyền thuộc sở hữu của nhà nước trước đây, mở cửa thị trường và đón nhận đầu tư trực tiếp nước ngoài nhằm gia tăng mức độ cạnh tranh trong nước, tăng năng suất và hiệu quả kinh tế để tăng trưởng... [8]. Theo đó, chính phủ Trung Quốc đã thiết lập các KTMTD để tạo dựng điều kiện dễ dàng hơn và hấp dẫn hơn đối với các doanh nghiệp và nhà đầu tư nước ngoài nhằm khuyến khích và tạo thuận lợi hơn nữa cho quá trình cải cách và mở cửa nền kinh tế.

Về cơ bản, chính phủ Trung Quốc sử dụng các KTMTD này để thí điểm các chính sách và quy định mới, do đó cho phép các doanh nghiệp

trong các khu này trải nghiệm một môi trường tự do hóa hơn với thể chế cởi mở hơn nhằm thu hút các doanh nghiệp nước ngoài, đặc biệt các quy định và ưu đãi thực tế được điều chỉnh tùy theo khu vực và định hướng của từng KTMTD để thu hút đầu tư nước ngoài vào một số lĩnh vực trọng điểm [6]. Bên cạnh đó, một số KTMTD đã đạt được thành công trong việc thúc đẩy tăng trưởng của khu vực thông qua việc khuyến khích sự phát triển của các ngành kinh tế trong phạm vi của các cụm công nghiệp, qua đó có xu hướng đẩy nhanh quá trình tập trung và tích tụ công nghiệp [9]. Tương tự như những khu kinh tế đặc biệt khác tại Trung Quốc, các KTMTD có nhiều lợi thế về mặt chính sách như cấu trúc hành chính đơn giản hóa và hiệu quả, dịch vụ một cửa giải quyết thủ tục hành chính, cơ sở hạ tầng chất lượng cao, hệ thống dịch vụ chuyên nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc tế, hệ thống hỗ trợ cá nhân và nhà đầu tư nước ngoài, vị trí chiến lược... [3].

Chính phủ Trung Quốc cho phép các doanh nghiệp trong KTMTD được hoạt động dưới các hình thức doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài, doanh nghiệp liên doanh và hợp tác xã liên doanh; trong đó, hình thức đầu tiên là lựa chọn phổ biến nhất khi các nhà đầu tư nước

ngoài thâm nhập vào thị trường Trung Quốc [8]. Đồng thời, chính phủ Trung Quốc tạo thuận lợi cho quá trình đăng ký hoạt động tại KTMTD của các doanh nghiệp với một quy trình được rút ngắn và đơn giản hóa các yêu cầu về vốn, lao động, việc làm... được nói lỏng hơn so với mặt bằng chung của quốc gia [8]. Các doanh nghiệp này được hưởng nhiều lợi ích như giảm thuế thu nhập doanh nghiệp từ 15% xuống còn 9%, cho phép trả dần thuế thu nhập doanh nghiệp, trợ cấp thuế thu nhập cá nhân cho lao động chất lượng cao, miễn thuế nhập khẩu trang thiết bị, đơn giản hóa quy trình thông quan và thanh toán [6], miễn thuế nhập khẩu cho đến khi hàng hóa được chuyển ra khỏi KTMTD, miễn phí chuyển đổi tiền tệ, hoàn thuế giá trị gia tăng nhanh chóng hơn... [10].

Nhìn chung, hầu hết các chính sách ưu đãi cho các KTMTD đều đã được chuẩn hóa ở quy mô quốc gia: miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu hoạt động và đánh thuế 50% thấp hơn so với mức thuế thông thường trong 3 năm tiếp theo, ưu đãi thuế suất cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tương ứng với 15% lợi nhuận, giảm thuế cho các hàng hóa có 70% được tái xuất khẩu và đánh thuế ở mức giảm dựa trên các thành phần nhập khẩu ban đầu, miễn thuế cho các công trình xây dựng hoặc cơ sở hạ tầng nhập khẩu cần thiết, miễn thuế hải quan và thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa được nhập khẩu vào KTMTD, áp dụng thuế chỉ đối với hàng hóa rời khỏi KTMTD để đến các khu vực ngoại quan...[1]. Tại cấp địa phương, mỗi KTMTD thường có các chính sách ưu đãi riêng dựa trên cơ sở là các ưu đãi của chính phủ, đồng thời tự quyết mức miễn thu thuế thu nhập địa phương đối với các doanh nghiệp trong KTMTD [1].

Chính phủ Trung Quốc cũng ban hành và thực hiện các chính sách bổ sung để tạo thuận lợi cho quá trình vận hành các KTMTD. Một trong những chính sách bổ sung tiêu biểu là Luật Đầu tư nước ngoài năm 2020 của Trung Quốc đã tạo dựng hành lang pháp lý chắc chắn hơn cho các nhà đầu tư nước ngoài thông qua việc xác định rõ ràng phạm vi của đầu tư trực tiếp nước ngoài và tiêu chuẩn hóa hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài ở cấp độ quốc gia [8]. Theo đó, luật này cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của đầu tư trong nước so với đầu tư trực tiếp nước ngoài, giúp doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài được đối xử bình đẳng hơn và bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư, giúp các nhà đầu tư trong và ngoài nước yên tâm hơn với thị trường Trung Quốc. Bên cạnh đó, luật này cũng góp phần đơn giản hóa quy trình và thủ tục hành chính đặc biệt cho các hoạt động đầu tư trong khuôn khổ các KTMTD tại quốc gia này.

Tuy nhiên, chính phủ Trung Quốc cũng ban hành một danh sách bao gồm các lĩnh vực đặc biệt đối với hoạt động đầu tư nước ngoài (negative list) tại một số KTMTD thí điểm (Thượng Hải, Quảng Đông, Thiên Tân và Phúc Kiến) theo Thông tư số 23 năm 2015 của Văn phòng Hội đồng Nhà nước đối với 15 ngành, 50 mặt hàng và 122 biện pháp quản lý đặc biệt nhằm đảm bảo an ninh quốc gia [11]. Theo đó, các lĩnh vực hạt giống, đánh bắt cá, thăm dò và khai khoáng vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, khai thác dầu khí, khai thác đất hiếm và quặng hiếm, sản xuất hàng không, đóng tàu, sản xuất dược phẩm, năng lượng nguyên tử, dịch vụ pháp lý... có những quy định cụ thể về quyền sở hữu nước ngoài, rà soát an ninh, thủ tục thuế quan, mua sắm hàng hóa... đặc thù có liên quan

trực tiếp đến các vấn đề an ninh lương thực, an ninh năng lượng... của quốc gia. Mặc dù vậy, quy định đối với một số lĩnh vực nằm trong danh mục hạn chế đầu tư trực tiếp nước ngoài và quyền sở hữu của Trung Quốc cũng đã được nới lỏng hơn đối với các hoạt động đầu tư tại một số KTMTD thí điểm nhất định so với mức chung của toàn quốc.

Điển hình như KTMTD Thượng Hải, đã được chính phủ Trung Quốc lựa chọn thành lập KTMTD đầu tiên tại Trung Quốc vào năm 2013 với tư cách là một khu vực thí điểm cho các chính sách đổi mới kinh tế của quốc gia [12] do Thượng Hải không chỉ là thành phố lớn nhất về dân số, là một trong 4 thành phố trực thuộc trung ương của Trung Quốc mà còn là một thành phố quốc tế có lịch sử phát triển lâu dài, có vị trí chiến lược nằm ở bờ biển phía Đông và trong khu vực đồng bằng sông Dương Tử, đặc biệt có lợi thế phát triển kinh tế đáng kể hơn so với các thành phố khác nhờ vào hệ thống cảng Thượng Hải thuận tiện cho phát triển thương mại quốc tế [10].

KTMTD Thượng Hải bao gồm khu ngoại quan có diện tích 28,78 km² là công viên hậu cần và khu vực vận chuyển chính của Thượng Hải, khu tài chính Lục Gia Chủy có diện tích 34,26 km² là trung tâm tài chính - vận chuyển - thương mại quốc tế của Thượng Hải và khu chế xuất Kim Kiêu có diện tích 20,48 km² là khu vực sản xuất tiên tiến, cung ứng dịch vụ sản xuất, tập trung các ngành công nghệ mới nổi và điều phối

môi trường kinh doanh thân thiện với môi trường; công viên công nghệ cao Trạm Giang với diện tích 37,2 km² là khu vực tập trung đổi mới và phát triển như một nền tảng dịch vụ cho các hoạt động nghiên cứu, tài chính, tuyển dụng lao động chất lượng cao và chia sẻ tài nguyên [9]. Bên cạnh đó, không gian của KTMTD Thượng Hải còn bao trùm diện tích lên đến gần 120 km² bao gồm KTMTD cảng và công viên hậu cần thương mại tự do Ngoại Cao Kiêu, KTMTD cảng Dương Sơn, KTMTD toàn diện sân bay Phố Đông, khu phát triển kinh tế và công nghệ Kim Kiêu [12].

Trung Quốc đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi như quy định về vốn đối với các doanh nghiệp thuộc sở hữu nước ngoài được gỡ bỏ (trừ trường hợp trong một số ngành công nghiệp nhất định), thời gian chấp nhận hồ sơ xuất nhập khẩu ít hơn 1 tuần (so với mức trung bình 2 tuần), cho phép sự hiện diện của văn phòng trực tuyến (vốn dĩ không được cấp phép tại phần còn lại của Trung Quốc), tự do chuyển tiền giữa các tài khoản thương mại tự do và tài khoản bên ngoài đại lục cũng như giữa các tài khoản thương mại tự do với nhau, cho phép doanh nghiệp sử dụng các tài khoản thương mại tự do để thực hiện các khoản vay nước ngoài lên tới mức giá trị gấp đôi vốn của doanh nghiệp từ bên ngoài đại lục, cho phép trả dần thuế thu nhập liên quan đến các giao dịch tái cấu trúc tài sản được sử dụng làm khoản đầu tư trong thời hạn tối đa 5 năm... [12].

Bảng 2. Một số ưu đãi đối với khu thương mại tự do Thượng Hải

Lĩnh vực	Trong KTMTD Thượng Hải	Ngoài KTMTD Thượng Hải
Mua sắm qua thư và trực tuyến	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được phép vận hành mua sắm và bán lẻ trực tuyến với việc chuyển phát trực tiếp từ nước ngoài (không cần lưu kho tại Trung Quốc)	Bị giới hạn và cần phải được Bộ Thương mại Trung Quốc cấp phép
Bán buôn và phân phối	Doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài được	Yêu cầu liên doanh với doanh nghiệp

Lĩnh vực	Trong KTMTD Thượng Hải	Ngoài KTMTD Thượng Hải
dầu thực vật, đường và phân bón; bán lẻ và bán buôn hạt và bông	cấp phép mà không bị hạn chế về số lượng	Trung Quốc trong một số trường hợp nhất định
Sản xuất, thương mại giải trí và kiểm soát trò chơi	Cho phép với điều kiện được phê duyệt nội dung trò chơi	Không cho phép đầu tư nước ngoài
Dịch vụ lãi hành	Cho phép liên doanh trừ lãi hành đến Đài Loan	Không cho phép đầu tư nước ngoài
Hợp tác giữa công ty luật của Trung Quốc và nước ngoài	Trong khuôn khổ các cơ chế hợp tác	Không được phép cung ứng dịch vụ luật liên quan đến pháp luật Trung Quốc, phải tuyển dụng luật sư Trung Quốc hoặc hoạt động chung với công ty luật của Trung Quốc
Vận tải hàng hóa bằng đường sắt	Cho phép doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài	Chỉ cho phép liên doanh

Nguồn: [12]

Cho đến nay, KTMTD Thượng Hải đã trở thành một điển hình thành công cho các KTMTD khác tại Trung Quốc và là minh chứng cho sự thành công của chính sách phát triển kinh tế của chính phủ Trung Quốc, đồng thời cho phép chính phủ Trung Quốc thực hiện kế hoạch mở thêm các KTMTD khác để phát triển kinh tế.

3.3. Bài học kinh nghiệm

Việc hình thành và phát triển các KTMTD là một định hướng chiến lược quan trọng đối với các quốc gia. Tuy nhiên, đây cũng là một mô hình mới tại nhiều nước đang phát triển như Việt Nam. Do đó, việc học hỏi kinh nghiệm phát triển KTMTD của các quốc gia đi trước như Trung Quốc là điều cần thiết. Từ thực trạng và chính sách phát triển các KTMTD tại Trung Quốc, một số kinh nghiệm có thể được rút ra cho các quốc gia khác.

Việc hình thành và phát triển các KTMTD cần phải được đặt trong một hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho các hoạt động kinh tế - đặc biệt chú trọng hệ thống giao thông vận tải, hệ thống cảng và kho bãi, hệ thống thông tin và truyền thông... cũng như kết nối với các đô thị, các trung tâm kinh tế khác để đảm

bảo tính kết nối thông suốt của các hoạt động trên một phạm vi địa lý toàn quốc, qua đó hình thành các vành đai, tuyến và khu vực kinh tế nhằm thúc đẩy hiệu ứng lan tỏa trong quá trình phát triển.

Bên cạnh đó, việc hình thành và phát triển của từng KTMTD cũng cần được định hướng và quy hoạch riêng biệt, phù hợp với bối cảnh và điều kiện cũng như thị trường và lĩnh vực ưu tiên của địa phương - đặc biệt chú trọng việc khai thác lợi thế về vị trí địa lý và tiềm năng kinh tế của từng địa phương đặt trong mối quan hệ trong và ngoài nước của quốc gia và khu vực để xác định trọng tâm và lĩnh vực cụ thể của từng KTMTD, qua đó mở rộng cơ hội thâm nhập và hiện diện tại các thị trường quốc tế nhanh chóng hơn và dễ dàng hơn. Đồng thời, việc lựa chọn thị trường và lĩnh vực hoạt động của các KTMTD cần bám sát xu hướng phát triển chung của nền kinh tế thế giới và định hướng phát triển kinh tế của quốc gia, đặc biệt chú trọng các ngành công nghiệp tạo ra giá trị gia tăng cao... Vì vậy, địa điểm và địa phương có được những điều kiện phù hợp để xây dựng và vận hành các KTMTD cần phải được đặc biệt quan tâm và lựa chọn.

Việc xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách tại các KTMTD cần có sự cởi mở về nhận thức và chủ động của chính quyền các cấp, sự đổi mới về cơ chế và sự linh hoạt trong việc thực thi nhằm tạo ra một môi trường sản xuất, kinh doanh, đầu tư và thương mại thực sự mở cửa và hấp dẫn đối với các nhà đầu tư và doanh nghiệp.

Việc thí điểm các cơ chế, chính sách mới trong phạm vi các KTMTD để đánh giá hiệu quả trước khi triển khai trên quy mô rộng cũng cần chú trọng những đặc thù của mô hình KTMTD và sự kết nối giữa các KTMTD với địa phương và các khu vực bên ngoài KTMTD. Bên cạnh đó, việc hài hòa các ưu đãi giữa chính phủ và chính quyền địa phương cũng như giữa các chính quyền địa phương cũng cần được quy hoạch và định hướng cẩn trọng để đảm bảo hiệu quả của các KTMTD.

Quá trình đơn giản hóa và mở cửa hoạt động thương mại quốc tế trong phạm vi các KTMTD cũng cần đặc biệt chú trọng vấn đề an ninh quốc gia trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư và thương mại có yếu tố nước ngoài. Đồng thời, việc bổ sung, sửa đổi, điều chỉnh và làm mới các luật và văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến hoạt động của các KTMTD cũng cần được cân nhắc. Nói cách khác, việc này cần phải vừa tạo ra sức hấp dẫn để thu hút đầu tư nước ngoài, vừa đảm bảo tính công bằng và cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước, cũng như giữa các doanh nghiệp trong và ngoài các KTMTD, ngoài ra phải đảm bảo an ninh quốc gia trong các lĩnh vực đặc biệt. Đồng thời, quá trình này cũng cần chú trọng đến những rủi ro tiềm ẩn đối với an ninh tài khóa và an ninh tiền tệ do sự nói lỏng trong các ưu đãi về thuế quan và hỗ trợ tài chính cho các KTMTD.

Không chỉ chú trọng đến kết nối quốc tế với các thị trường nước ngoài, việc phát triển các KTMTD cũng cần lưu ý đến liên kết trong nước với các vùng cung ứng và/hoặc tiêu thụ sản phẩm. Do đó, tính kết nối của hệ thống giao thông vận tải và hạ tầng hậu cần, kho bãi... cần đặc biệt quan tâm.

Bên cạnh các cơ chế và chính sách ưu đãi kinh tế như thuế quan, đầu tư và tài chính, các vấn đề khác như nhập cảnh và cư trú của lao động nước ngoài cũng cần được quan tâm đúng mức để tăng cường sự hấp dẫn của môi trường vĩ mô đối với các nhà đầu tư, doanh nghiệp và lao động nước ngoài, đồng thời tận dụng “hiệu ứng tràn” của các KTMTD để cải thiện năng suất, chất lượng nguồn nhân lực, năng lực của doanh nghiệp trong nước và lan tỏa đến các khu vực và các thành phần kinh tế khác bên ngoài các KTMTD.

4. Kết luận

Với những chính sách đặc thù về thuế quan, đầu tư và thủ tục hành chính, Trung Quốc đã và đang phát triển các KTMTD như một cách thức hiệu quả để thúc đẩy hoạt động thương mại hàng hóa và dịch vụ, từ đó tạo ra các giá trị kinh tế và đóng góp vào quá trình tăng trưởng của nền kinh tế quốc gia. Tuy nhiên, quá trình phát triển kinh tế thông qua các KTMTD đòi hỏi thời gian đủ dài để có được những kết quả thực tế, đồng thời cũng cần phải thường xuyên học hỏi và đánh giá để rút kinh nghiệm.

Hiện nay, các KTMTD của Trung Quốc đã trở thành mô hình tham khảo phổ biến, đồng thời kinh nghiệm phát triển các KTMTD của Trung Quốc cũng là những bài học quan trọng cho nhiều quốc gia khác trên thế giới, trong đó có Việt Nam./.

Bài báo là sản phẩm của đề tài khoa học cấp cơ sở : “*Phát triển khu thương mại tự do ven biển: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam*”, theo hợp đồng số 04/HĐKH-ĐLNƯV ngày 19 tháng 01 năm 2023.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Valentine, V. et al. (2005), *Free trade zone and port hinterland development*, United Nations.
2. Ozon Action (2015), *Free trade zones and trade in ODS*, United Nations Environment Programme.
3. Zhan, J. X. et al. (2019), *World investment report 2019: Special economic zones*, United Nations Conference on Trade and Development.
4. Blog China (2021), *Overview of China's free trade zones*, Sovereign Group.
5. Meng, G., Zeng, D. Z. (2019), *Structural transformation through free trade zones: The case of Shanghai*, Transnational Corporation Journal, volume 26, issue 2, page 95-115.
6. Trade Commission (2022), *Free trade zones in China*, Government of Canada.
7. C. I. Process (2023), *Presentation of the free trade zones in mainland China*, Shanghai.
8. Tetra Consultatns (2023), *China free trade zone*, Singapore.
9. Dezan Shira, Associates (2016), *A guide to China's free trade zones*, Asia Briefing Ltd., Dezan Shira Group.
10. FDI China (2022), *FDI China exclusive: The 21 free trade zones guide 2023*, FDI China Co. Ltd.
11. China Tax (n.d.), *Free trade zone*, China Tax & Investment Consultants Ltd.
12. Gmarnova B. (n.d.), *Shanghai free trade zone*, Czech Trade.

Thông tin tác giả:

Lê Hồng Ngọc - Viện Địa lý nhân văn
Địa chỉ liên hệ: số 176 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội
Email: ngochlh.gm@gmail.com; ĐT: 093 2322 154

Nhật ký tòa soạn

Ngày nhận bài: 26/04/2023
Biên tập: 6/2023